

Bản án số: 03/2022/HNGĐ - ST
Ngày 11-01-2022
V/v tranh chấp về ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KIM BẢNG, TỈNH HÀ NAM

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Đức Thọ.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Đinh Tuấn Anh.

2. Bà Phạm Thị Hồng Hạnh.

- Thư ký phiên tòa: Ông Trần Quang Tất - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Kim Bảng, tỉnh Hà Nam.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Kim Bảng, tỉnh Hà Nam tham gia phiên tòa: Bà Đinh Thị An - Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 01 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Kim Bảng, tỉnh Hà Nam xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 80/2021/TLST – HNGĐ ngày 08 tháng 7 năm 2021 về “*Tranh chấp về ly hôn*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 33/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 21 tháng 12 năm 2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số 01/2022/QĐST-HNGĐ ngày 06 tháng 01 năm 2022 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Lê Thị Hồng N, sinh năm 1991.

Địa chỉ: Thôn Y, xã N, huyện K, tỉnh Hà Nam; có mặt.

- Bị đơn: Anh Lê Văn K, sinh năm 1976.

Địa chỉ: Thôn Y, xã N, huyện K, tỉnh Hà Nam; vắng mặt.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ngân hàng C - Phòng giao dịch huyện K, tỉnh Hà Nam; địa chỉ: Thị trấn Q, huyện K, tỉnh Hà Nam. Người đại diện theo ủy quyền: Bà Lê Thanh H, Giám đốc Phòng giao dịch Ngân hàng C huyện K, tỉnh Hà Nam; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện xin ly hôn và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, nguyên đơn là chị Lê Thị Hồng N trình bày: Chị và anh Lê Văn K kết hôn hoàn toàn tự nguyện, có được tự do tìm hiểu, được tổ chức lễ cưới theo phong tục địa phương và có đăng ký kết hôn ngày 22-5-2012 tại Ủy ban nhân dân (UBND) xã N, huyện K, tỉnh Hà Nam. Sau khi kết hôn anh chị chung sống hòa thuận đến đầu năm 2016 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân dẫn đến mâu thuẫn là do tính tình vợ chồng không hợp nhau, bất đồng quan điểm trong cuộc sống cũng như trong việc làm ăn kinh tế. Mặc dù hai bên gia đình đã nhiều lần hòa giải nhưng mâu thuẫn của vợ chồng không thể cải thiện được. Do mâu thuẫn căng thẳng nên từ giữa năm 2020 chị đã về nhà bố mẹ đẻ chị ở nhờ từ đó cho đến nay, không quay về chung sống với anh K nữa. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn giữa vợ chồng đã trầm trọng, kéo dài, chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh Lê Văn K.

Tại lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn là anh Lê Văn K trình bày: Về thời gian, điều kiện kết hôn, thời điểm phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn, thời gian vợ chồng sống ly thân, chấm dứt quan hệ vợ chồng đúng như chị N đã trình bày. Nay chị N xin ly hôn, anh cũng xác định tình cảm vợ chồng không còn nên anh nhất trí ly hôn.

Về con chung: Chị N và anh K thống nhất xác định vợ chồng anh chị có hai con chung là cháu Lê Minh H, sinh ngày 24-01-2013 và cháu Lê Minh Q, sinh ngày 15-8-2014. Hiện nay cả hai cháu đều đang ở với anh K. Quan điểm của chị N và anh K cùng thống nhất khi ly hôn sẽ giao cháu H cho chị N trực tiếp nuôi dưỡng, giao cháu Q cho anh K trực tiếp nuôi dưỡng, hai bên không phải góp tiền cấp dưỡng nuôi con cho nhau.

Về con riêng: Chị N và anh K thống nhất xác định không ai có con riêng nên không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

Về tài sản chung; tài sản riêng; công sức đóng góp; diện tích đất nông nghiệp theo tiêu chuẩn: Chị N, anh K đều xác định không có nên không yêu cầu giải quyết.

Về công nợ: Chị N và anh K đều xác định vợ chồng còn nợ Ngân hàng C - Phòng giao dịch huyện K số tiền gốc là 12.000.000 đồng. Anh chị cùng có quan điểm khi ly hôn sẽ giao cho anh K có nghĩa vụ trả toàn bộ khoản nợ này.

Tại lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là Ngân hàng C - Phòng giao dịch huyện K, tỉnh Hà Nam do người đại diện theo ủy quyền là bà Lê Thanh H trình bày: Ngày 24-6-2017 Phòng giao dịch

Ngân hàng C có cho hộ gia đình anh Lê Văn K, chị Lê Thị Hồng N vay theo chương trình nước sạch và vệ sinh môi trường nông thôn số tiền gốc 12.000.000 đồng, lãi suất là 0,75%/ tháng, thời hạn cho vay 60 tháng. Đến nay anh chị vẫn chưa trả được khoản tiền gốc nào cho ngân hàng, còn tiền lãi thì anh chị vẫn trả đều hàng tháng, tính đến ngày 11-01-2022 dư nợ lãi của anh chị là 2.959 đồng. Nay bà H yêu cầu anh K và chị N cùng có trách nhiệm thanh toán đầy đủ cho Phòng giao dịch Ngân hàng C số tiền nợ gốc là 12.000.000 đồng và tiền lãi tính đến ngày 11-01-2022 là 2.959 đồng.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên phát biểu ý kiến: Thẩm phán thụ lý giải quyết vụ án, tiến hành thu thập chứng cứ đã tuân thủ theo đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; tại phiên tòa, Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa đã tuân thủ đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Đối với nguyên đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đều thực hiện đúng, đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định tại các Điều 70, 71, 73 Bộ luật Tố tụng dân sự; còn bị đơn cố tình không chấp hành giấy triệu tập của Tòa án, cố tình không ký ghi họ tên vào biên bản lấy lời khai đã vi phạm nghĩa vụ theo quy định tại các Điều 70, 72 Bộ luật Tố tụng dân sự. Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 37, 56, 57, 58, 60, 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án, chấp nhận đơn khởi kiện của chị Lê Thị Hồng N, xử: Ly hôn giữa chị Lê Thị Hồng N và anh Lê Văn K. Về con chung: Giao cháu Lê Minh H cho chị N, giao cháu Lê Minh Q cho anh K trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi, lao động, tự lập được, hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau. Về công nợ: Buộc chị N và anh K mỗi người có trách nhiệm trả Phòng giao dịch Ngân hàng C huyện K 6.000.000 đồng tiền gốc và lãi tính đến ngày xét xử sơ thẩm là 1.459 đồng. Đối với nợ lãi sau ngày xét xử sơ thẩm chị N và anh K có trách nhiệm mỗi người trả một nửa. Về án phí: Đương sự phải chịu án phí dân sự theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về tố tụng*: Bị đơn là anh Lê Văn K đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là Ngân hàng C-Phòng giao dịch huyện K, tỉnh Hà Nam do bà Lê Thanh H là

người đại diện theo ủy quyền có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt. Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[2] *Về hôn nhân*: Quan hệ hôn nhân giữa chị Lê Thị Hồng N và anh Lê Văn K là hợp pháp, anh chị đăng ký kết hôn với nhau vào ngày 22-5-2012 tại UBND xã N, huyện K, tỉnh Hà Nam. Sau khi kết hôn anh chị chung sống hòa thuận đến khoảng đầu năm 2016 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do tính tình vợ chồng không hợp, thường xuyên bất đồng quan điểm trong cuộc sống và trong việc làm ăn kinh tế nên thường xảy ra xô xát, va chạm. Nay chị N xác định tình cảm vợ chồng không còn và kiên quyết xin ly hôn anh K, còn bản thân anh K mặc dù không kí vào biên bản lấy lời khai nhưng anh cũng có quan điểm nhất trí ly hôn chị N. Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã thu thập có trong hồ sơ vụ án và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử thấy rằng hôn nhân giữa chị N và anh K thực sự đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Do vậy, xử cho ly hôn giữa chị N và anh K là hoàn toàn phù hợp với Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

[3] *Về con chung*: Chị N và anh K có hai con chung là cháu Lê Minh H, sinh ngày 24-01-2013 và cháu Lê Minh Q, sinh ngày 15-8-2014. Anh chị cùng có quan điểm khi ly hôn sẽ giao cháu H cho chị N trực tiếp nuôi dưỡng, giao cháu Q cho anh K trực tiếp nuôi dưỡng, hai bên không phải góp tiền cấp dưỡng nuôi con cho nhau. Xét quan điểm này của anh chị là hoàn toàn tự nguyện, phù hợp với Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình nên cần chấp nhận.

[4] *Về con riêng*: Chị N, anh K thống nhất xác định không có, không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] *Về tài sản chung; tài sản riêng; công sức đóng góp và diện tích đất nông nghiệp theo tiêu chuẩn*: Các đương sự không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] *Về công nợ*: Chị N, anh K và bà H cùng xác định vợ chồng chị N, anh K có nợ Phòng giao dịch Ngân hàng C huyện K số tiền gốc vay 12.000.000 đồng và tiền lãi đến ngày 11-01-2022 là 2.959 đồng. Quan điểm của chị N và anh K đều xác định để anh K có trách nhiệm trả toàn bộ khoản nợ này. Quan điểm của bà H đề nghị cả chị N và anh K cùng có trách nhiệm trả toàn bộ khoản nợ này. Hội đồng xét xử thấy rằng đối với khoản nợ này anh chị vay để đáp ứng nhu cầu thiết yếu, phục vụ nhu cầu sinh hoạt chung của gia đình nên khi ly hôn cả hai vợ chồng đều phải có nghĩa vụ chung. Do đó, cần buộc chị N và anh K mỗi người phải có nghĩa

vụ trả một nửa khoản nợ nêu trên cho Ngân hàng C, cụ thể mỗi người phải trả như sau: 12.002.959 đồng gốc + lãi : 2 = 6.001.479,5 đồng (làm tròn thành 6.001.480 đồng) là hoàn toàn phù hợp với Điều 37 Luật hôn nhân và gia đình.

[7] *Về án phí*: Chị N phải chịu án phí ly hôn theo quy định của pháp luật. Ngoài ra, chị N và anh K còn phải chịu án phí đối với nghĩa vụ về tài sản theo quy định của pháp luật, cụ thể: Chị N và anh K mỗi bên phải có nghĩa vụ trả nợ Ngân hàng C 6.001.480 đồng nên mỗi bên phải chịu án phí dân sự là 6.001.480 đồng x 5% = 300.000 đồng (làm tròn số).

[8] Quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định tại Điều 271, Điều 272 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; Điều 39; khoản 4 Điều 147; Điều 227; Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 37, 56, 60, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình; các điểm a, e khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án:

1. Xử cho ly hôn giữa chị Lê Thị Hồng N và anh Lê Văn K.

2. Về con chung: Giao cháu Lê Minh H, sinh ngày 24-01-2013 cho chị N trực tiếp nuôi dưỡng. Giao cháu Lê Minh Q, sinh ngày 15-8-2014 cho anh K trực tiếp nuôi dưỡng. Chị N và anh K không phải góp tiền cấp dưỡng nuôi con cho nhau.

Chị N, anh K cùng các thành viên gia đình không được cản trở trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục các con chung.

3. Về công nợ: Giao cho chị Lê Thị Hồng N có trách nhiệm trả nợ Phòng giao dịch Ngân hàng C huyện K số tiền 6.000.000 đồng gốc và lãi là 1.480 đồng và lãi suất phát sinh tiếp theo kể từ ngày 12-01-2022. Giao cho anh Lê Văn K có trách nhiệm trả nợ Phòng giao dịch Ngân hàng C huyện K số tiền 6.000.000 đồng gốc và lãi là 1.480 đồng và lãi suất phát sinh tiếp theo kể từ ngày 12-01-2022.

4. Án phí:

- Chị Lê Thị Hồng N phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm và 300.000 đồng án phí dân sự có giá ngạch. Được trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị N đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí số 0004348 ngày 08

tháng 7 năm 2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Kim Bảng, tỉnh Hà Nam, chị N còn phải nộp tiếp tiền án phí là 300.000 đồng.

- Anh Lê Văn K phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự có giá ngạch.

Án xử công khai sơ thẩm, đương sự có mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Đối với trường hợp chậm thực hiện nghĩa vụ trong hợp đồng mà các bên có thỏa thuận về việc trả lãi thì quyết định kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất các bên thỏa thuận nhưng phải phù hợp với quy định của pháp luật; nếu không có thỏa thuận về mức lãi suất thì quyết định theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Hà Nam;
- VKSND huyện Kim Bảng;
- Chi cục THADS H. Kim Bảng;
- UBND xã N;
- Các đương sự;
- Lưu HS, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Đức Thọ

